TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:168/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 8 năm 2026
Về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Đặng Kiều Trang và ông Trần Thanh Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 9- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2026/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2026/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Mạch Thị Hương L, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã M, tỉnh An Giang. (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã M, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Mạch Thị Hương L trình bày:

Bà Mạch Thị Hương L và ông Phạm Văn C tự nguyện quen biết và tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Hôn nhân của cả hai có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là xã M, tỉnh An Giang) vào ngày 10/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã M, tỉnh An Giang chung sống hạnh phúc được một thời gian nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân được một thời gian dài. Do cuộc sống hôn nhân giữa bà Mạch Thị Hương L và ông Phạm Văn C

không hạnh phúc, không thể hàn gắn, nên bà Mạch Thị Hương L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn C, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nhựt P, sinh ngày 16/12/2003 hiện đã trưởng thành và sống tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn* ông Phạm Văn C vắng mặt trong thời gian giải quyết vụ án án, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mạch Thị Hương L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mạch Thị Hương L được ly hôn với ông Phạm Văn C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng đét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C. Quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, tỉnh An Giang căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-An Giang theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông C được Tòa án cấp tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vắng lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại biên bản xác minh tình trạng cư trú ngày 22/6/2026, Công an xã M, tỉnh An Giang đã xác nhận: Đương sự bị đơn ông Ông Phạm Văn C, sinh năm 1978 có đăng ký thường trú tại ấp M, xã M, tỉnh An Giang, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông C xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo theo giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 10/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là xã M, tỉnh An Giang) theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của L và ông C được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Mạch Thị Hương L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn C.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà L xác định không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với ông C. Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa bà L và ông C; ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án, ông C không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không tham dự các buổi hòa giải, không tham dự phiên tòa, không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân giữa ông, bà. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông C. Quan hệ

hôn nhân giữa bà L và ông C không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được, tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mạch Thị Hương L.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nhựt P, sinh ngày 16/12/2003. Hiện con đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mạch Thị Hương L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mạch Thị Hương L được ly hôn với ông Phạm Văn C.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Mạch Thị Hương L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001750, ngày 01/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Phạm Văn C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 9-An Giang;
- Phòng THSDS khu vực 9-An Giang;
- UBND xã Mỹ Hòa Hưng, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Nữ Ngọc Lan